Nhật tụng Kālāma – Kinh tạng trích diễm

Kalama tri ân cô Diệu Hỷ ghi bài.

Kinh pháp môn căn bản – 14/04/2024
Hôm nay chúng ta học bài kinh rất là đặc biệt, vì ngay trong tựa kinh là mình thấy ở đó có vấn đề rất lớn – Mūlapariyāya - Căn bản pháp môn – nền tảng cho phạm hạnh, nền tảng cho tất cả mọi công phu tu tập của mình.
Chúng ta biết rằng, con đường giải thoát phải là Bát Chánh Đạo. Tứ Niệm Xứ là sự thực tập đời sống theo tinh thần Bát Chánh Đạo, tên là Tứ niệm xứ, nội dung là Bát Chánh Đạo. Đầu tiên của Bát Chánh Đạo là Chánh kiến – Nhận thức, rất quan trọng. Trình độ dẫn đến thái độ, thái độ = thái độ sống, thái độ hành động, thái độ phản ứng; Nhận thức rất quan trọng.
Được gọi là căn bản pháp môn vì nhiều nghĩa:

- Tất cả mọi hạnh lành của chúng ta trong chuyện tu học và toàn bộ đời sống của chúng ta thông qua 6 căn. Toàn bộ hành trình tu học của chúng ta là Giới- Định – Tuệ, và 37 Bồ Đề phần. Tất cả đều được thiết lập trên nhận thức này. Nếu thiếu nhận thức, thiếu hiểu biết về bài kinh này thì đời sống lục căn của mình: Thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, tư duy hoặc đời sống tu học qua Giới, Định, Tuệ có vấn đề. Tuệ thiếu cái này không còn là Tuệ.

(1) Nó là nền tảng của mọi công phu.

- Chúng tôi tin rằng: Hiểu và tin chắc bài kinh này thì dầu người không có Giới, Định hoàn toàn có thể có hi vọng với hiểu biết, niềm tin vào bài kinh này, có thể hi vọng một ngày nào đó họ có thể thành tựu 2 cái đó. Vì đây là nền tảng của Tuệ, một lúc nào thấm bài kinh này đến mức mình có Giới, và Định thì mình thành tựu Tam học. Nếu mình có Giới, Định, chứng tầng thiền cao nhất – Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, mà thiếu nhận thức về bài kinh này thì cơ hội giác ngộ là số 0. Trong vô số kiếp luân hồi chúng ta có Giới ngon lành, có Định ngon lành bây giờ chúng ta vẫn ngồi đây. Người có bài kinh này, dầu bây giờ tu học chưa ngon lành, nhưng đến một lúc sẽ ngon lành. Nếu không có hiểu biết bài kinh này mà Giới, Định ngon lành thì cơ hội sanh tử 100.000 triệu tỷ A Tăng Kỳ là rất lớn.

Bài kinh này dạy cái gì ghê gớm vậy?
Duyên khởi: Có 500 vị tỳ-kheo xuất thân là trí thức Bà La Môn tinh thông toàn bộ giáo lý Bà La Môn. Tại sao giới lý Bà La Môn tinh thông được người Ấn xưa gọi là trí thức? Bên Tàu, có Tứ Thư Ngũ Kinh, Luận Ngữ, Mạnh, Lão,... là được xem trí thức, còn bên Ấn Độ, bộ Veda của Bà La Môn giáo, từ thời đức Phật về trước, không phải Veda hôm nay, nội dung đó có thể dạy người ta chứng Phi tưởng Phi phi tưởng, dạy binh thư, làm thầy bói, thầy bùa, thầy phong thủy, dạy người ta làm bá nghệ. Có sự trùng hợp, bên Trung Hoa có "thập bát ban võ nghệ", con số 18 này cũng là 18 lãnh vực chuyên môn được dạy trong Tam Vệ Đà, bên cạnh thờ Phạm Thiên, chứng đắc thiền định, nó còn dạy luôn nghề nghiệp trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, giữa thông nhân sự. Sẵn nói luôn, chú giải Mi-tiên có nói chúng ta nội dung bộ veda đó.
Đây là lý do vì đâu 500 vị này sau khi tinh thông Veda, chúng ta phải hiểu ngầm, một đầu óc tinh tường Bà La Môn khi học Phật pháp họ học rất mau, họ thuộc 3 tạng. Ba tạng lúc đó khác ba tạng lúc này vì đức Thế Tôn còn trụ thế, ngài Xá Lợi Phất còn tại thế, nội dung còn được bổ sung sau đó rất nhiều. Đức Thế Tôn trụ thế 45 năm sau lúc thành đạo, 12 năm đầu không có Tạng Luật, đức Thế Tôn sinh hoạt thế nào các vị tỳ-kheo cứ vậy mà theo. Tạng A-Tỳ-Đàm thì sau hạ thứ 7 là có rồi. Tạng kinh gồm tất cả pháp thoại của đức Phật và các vị đại đệ tử, các tu sĩ lớn. Sau mỗi pháp thoại thì có vị được nghe, có vị được nghe lại. Nghe "Ba tạng" mình phải hiểu ngầm là 3 tạng của thời đó.
500 vị này lúc đó được nghe rất nhiều Phật ngôn, tự cho mình là cái rốn của vũ trụ, nghe đức Thế Tôn nói tới nói lui 37 Bồ Đề phần, Danh, Sắc,... vì lòng tự tôn tự đại, không chịu thấy tại sao đối với những nhân vật đến nghe pháp đức Thế Tôn nhắc tới nhắc lui, người ta đắc ào ào mà mấy vị này cứ nghe thấy giống thôi. Như rất nhiều Phật tử hôm nay nghe pháp thấy nhắc tới nhắc lui nghĩ ông sư biết nhiêu đó, hoặc tui biết rồi, quên rằng: Mỗi lần nghe mình thấy khía cạnh mới, thấy nó hao hao, tựa tựa,... mấy vị này quyết định không đi nghe pháp nữa.

Trong kinh nói, đức Thế Tôn ngày có 5 công việc phải làm:

- Sáng đi khất thực
- Chiều thuyết pháp cho tứ chúng
- Tối đầu hôm thuyết pháp cho chư tăng tỳ-kheo
- Buổi khuya gặp riêng chư Thiên, Phạm thiên
- Rạng sáng, Ngài dùng Phật trí soi rọi trong vô lượng vũ trụ xem ai hôm đó đủ duyên gặp Ngài để: (1) Đủ duyên chứng thành đời hiện tại, (2) gieo duyên lành đời sau kiếp khác.

Đức Thế Tôn nói riêng và chư Phật ba đời mười phương nói chung, ngoài chuyện trực tiếp hóa đạo cho người ta chứng ngộ còn hỗ trợ gieo duyên cho rất nhiều người sau này, như: Các vị Độc Giác tương lai, các vị Chánh Đẳng Giác tương lai, những vị La Hán tương lai, như ông Saccaka lúc ông gặp đức Phật ông không đủ duyên chứng, nhưng khi đức Thế Tôn Niết Bàn 100-200 năm sau, khi tái sanh ông quay trở lại xuất gia trong hình hài khác thì chứng La Hán. Nhưng chuyện ông chứng ngộ phải nhờ sự gieo duyên của đức Phật.
Cho nên 500 vị này không để ý khía cạnh này.
Buổi sàng Ngài đi bát, mấy vị này đi chung. Buổi chiều Ngài thuyết pháp mấy vị này không thèm tới nghe. Buổi đêm Ngài thuyết pháp cho chư tỳ-kheo mấy vị này cũng không thèm tới nghe. Một ngày chỉ có 2 buổi đó thôi. Chư tăng mới đem chuyện đó trình đức Phật. Đức Phật mới gọi vào. Đây chính là nội dung.
Ngài nói cái gì?
Đây là những người cực kỳ thông tuệ, và kiêu ngạo. Biết một mớ chuyện đời – vì 3 bộ veda nó biết chưa đủ 1/triệu tỷ của vũ trụ, trong khi cái biết của mình có giới hạn, cái mình không biết thì không có giới hạn. Cái biết của mấy vị này về Phật pháp, Tam veda còn không bằng một phần triệu tỷ các vị chưa biết. Ngài biết qua pháp thoại này các vị chưa đắc gì hết, nhưng Ngài làm cho nó mòn, đập cho nó mềm bằng pháp thoại này trước đã.
Như nhiều lần tôi nói, có nhiều người thuyết pháp cho họ như nước đổ đầu vịt muốn nó thấm phải chế nước sôi, muốn lá môn thấm nước thì đập cho dập nó mới thấm nước.
Bài kinh này là một gáo nước sôi, là cú chà, cú đạp cho lá môn dập trước đã.
Bài kinh này nếu học thẳng bản Pali nó sáng trưng, cộng với bản chú giải nó rực rỡ. Xui chỗ là không biết giáo lý, đặc biệt A Tỳ Đàm, không đọc được Pali, không đọc được chú giải, thiếu giáo lý nền, chỉ đọc được bản tiếng Việt. Bản tiếng Việt chỉ làm cho nó rối.
Đức Phật xác định: Tất cả đời sống của chúng ta, dầu tu hay không tu, đều gói gọn trong 5 dục, trong nhận thức về Bốn Đại, khá hơn chút là tu tập thiền định, khá hơn chút là tu tập giáo lý.

- Đời sống vật chất thì quẩn quanh trong Tứ Đại, 5 Dục, có khá chút biết chán vật chất thì chuyển qua tu tập thiền định đắc cao nhất là Vô Sắc. Rồi thì sao? Vô lượng kiếp chúng ta đã như vậy rồi. Vì thiếu nhận thức từ bài kinh này cho nên vô số kiếp về trước, hàng triệu tỷ tỷ kiếp về trước chúng ta không biết bao nhiêu lần làm giun, dế, dòi, bọ, và cũng vô số lần chúng ta làm nhà bác học, bậc thông tuệ, Phạm thiên, vì không biết nội dung bài kinh này nên tới đây còn ngồi đây. Chỉ trừ trường hợp người có nguyện lớn hôm nay họ còn ngồi đây, vì họ chưa hoàn tất, nhưng người có nguyện lớn lết tới bây giờ thì chỉ 1 trên nhiều tỷ thôi. Đa số là chúng ta u mê, nên hôm nay còn kẹt ở đây.

Nội dung bài kinh này là sao? Ngài nói khi quẩn quanh trong thế giới vật chất, thế giới tinh thần chúng ta làm đúng ý nghĩa chữ "satta" là dính – đụng đâu dính đó. Sanh ra làm con dòi, con ruồi thì thấy thế giới mình toàn bộ là ba đồ dơ, đồ mùi, đồ khó ngửi, làm ong, làm bướm, làm hoa trái, làm người, làm chư thiên, Phạm thiên thì sanh ra trong môi trường, cảnh giới nào chỉ biết đúng cái đó, cho đó là tất cả.
Ở đây Ngài nói, kẻ không biết Phật pháp, không tu học, ở đây gọi là "Không gặp được chân nhân, không tu tập pháp của chân nhân, không gặp gỡ các bậc thánh, không học hỏi các bậc thánh, không thực tập con đường các bậc thánh thì sao? Luôn luôn sống với những khái niệm cứ đẻ ra thấy đất, nước, lửa, gió, sắc, thinh, khí, vị, xúc là bị kẹt trong đó. Kẹt bằng cách nào?

- Kẹt bằng sống toàn bộ bằng tưởng tri, ngộ nhận:
    - Tưởng tri: sañña – khái niệm, concept, opinion, idea. Chú giải ghi rõ, tất cả những khái niệm của chúng ta dựa vào 3 nền tảng: Ái – Mạn – Kiến:
        - Ái – Thích cái gì thì nhìn mọi thứ trong đời từ lăng kính cái thích đó. Thích ở đâu thì ghét nằm ở đó. Khi thích cái gì thì mình ghét cái ngược lại, cho nên mình nhìn cuộc đời từ lăng kính của thích và ghét.
        - Mạn – Lúc nào cũng có so sánh hơn, bằng, thua, ta với người, bỉ với thử.
        - Kiến – mắc trong thường hay đoạn: Luôn luôn tin có cái tôi – tin chết là hết (đoạn kiến), hoặc tin có một cái tôi đi đời này kiếp khác, trường cửu vĩnh hằng (thường kiến).

Trên 3 lăng kính này mình nhìn mọi thứ từ nhãn quan có được từ 3 lăng kính này. Tưởng tri – Sañjānāti (động từ) = biết do hình dung, liên tưởng từ 3 nền tảng nhận thức sai lầm của Ái, Mạn, Kiến (danh từ) Sañña – khái niệm.
Tưởng có 2:

- Tưởng làm nền cho trí là Aviparītasañña
- Tưởng sai lầm – Điên đảo mộng tưởng Viparītasañña, nó có từ đồng nghĩa là vipallāsasañña – suy tưởng ngược ngạo:
    - Nó không bền tưởng nó là vĩnh cửu
    - Nó là đau khổ tưởng nó là hạnh phúc
    - Nó là đồ lắp ráp mà ráng tưởng có một cái tôi trong đó

Hiểu lầm này gọi là điên đảo mộng tưởng.
Ở đây, đức Phật dùng một từ nữa, một cặp nữa là maññanā – sự ngộ nhận, hiểu lầm, (động từ) là maññati – hiểu lầm, ngộ nhận.
Cả tưởng tri hay sự ngộ nhận này đặt nền tảng trên 3 thứ phiền não: Ái, Mạn, Kiến.
Tôi có thành kiến với ai do thích và ghét – trên nền tảng của Ái; Do so sánh hơn, bằng, thua – trên nền tảng của Mạn; trên nền tảng của Kiến – Thường và Đoạn.
Có 99.9% Phật tử khi đọc bài kinh này hoang mang, bài kinh nghe sư nói về tui, về phàm phu mình, mà đó giờ tôi đâu nghĩ "đất này là của tôi, trong tôi có đất, trong đất có tôi, nước là tôi, tôi là nước, trong nước có tôi, trong tôi có nước, ...". Đúng. Ở đây, đức Phật Ngài chẻ ra, nghe nó lạ với mình.
Bốn đại – đất, nước, lửa, gió không bao giờ rời nhau. Chỉ có một điều, trong trường hợp nào, tính đất nổi bật, thí dụ: Mịn, nhám, cứng, mềm, trong trường hợp đó tính đất nổi bật; Trong trường hợp mát, nực, nóng, lạnh – tính lửa nổi bật; trong trường hợp tan chảy, ngưng tụ nổi bật thì trường hợp đó tính nước nổi bật, trong trường hợp xê dịch, di chuyển, căng phồng, áp bức thì trường hợp đó tính gió nổi bật. Nhưng nổi bật thôi. Thí dụ mình nói tốc độ chiếc xe là nói về gió, nói về nhiệt độ máy xe là đang nói về lửa, đang nói chuyện trên xe bị xóc, dằn, êm hay cứng là đang nói về tính đất, chứ thật ra – Bốn đại không rời nhau.
Cho nên, khi tôi nói "tôi thích ngắm hoa" = tôi đang chấp rằng, trong đất có tôi, trong tôi có đất, đất là tôi, tôi là đất; trong nước có tôi, trong tôi có nước, nước là tôi, tôi là nước. Nói theo từ thế gian thì đúng là Tôi đang ngắm hoa, nhưng nói theo lời Phật thì tôi đang đắm chìm trong đất, nước, lửa, gió; tôi đang thích hoa = tôi đang thích trong đất, nước, lửa, gió. Có máy lạnh lim dim thưởng thức = máy lạnh là nhiệt độ, nhưng trong nhiệt độ đó đâu tự nhiên có cái mát, nguyên căn phòng + cái máy mới ra máy lạnh, khi tôi thích phòng máy lạnh = tôi đang đắm chìm trong bốn đại.
Thuyết pháp tôi hay nói bánh xèo vì nó giống chúng sanh, cuộc đời, vì gồm nhiều thứ làm nên cái bánh xèo, kêu là bánh nhưng gồm nhiều thứ. Bà con hiểu lầm tưởng tôi mê bánh xèo. Giống ôn Làng Mai hay đem trái quýt ra nói, ôn có lý do gì đó ông đem trái quýt ra nói, ông mà ở Việt Nam người đem cần xé quýt cúng chắc chết. Người ta hay có cái thuận miệng họ nói.
Khi tôi nói tôi thích bánh xèo = tôi thích trong bốn đại, tôi thích người nào đó = tôi thích trong bốn đại, nói rộng hơn là thích danh sắc của người đó.
"một kẻ vô văn phàm phu không được gặp các bậc thánh, không tu tập pháp các bậc thánh, không gặp gỡ các bậc chân nhân, không nghe pháp, không tu tập pháp các bậc chân nhân, thì ngộ nhận rằng đất, nước, lửa, gió là của tôi, tôi là đất, nước, lửa, gió; trong đất, nước, lửa gió có tôi, trong tôi có đất, nước, lửa, gió"
Ủa, tôi đâu khùng vậy ta, tôi đâu biết gì về đất nước lửa gió – là cách nói của Ngài, nhưng mình phải hiểu là Ngài đang chẻ nhỏ ra tất cả cái thích, ghét trong đời sống của mình.

Mình không khùng tới mức nói "đất, nước, lửa, gió là của tôi, tôi là đất, nước, lửa, gió" nhưng thật ra nó là như vậy đó. Khi mình thích cái hoa = thích đất, nước, lửa, gió của cái làm nên cái hoa.
Nói theo A Tỳ Đàm, cái hoa được cấu tạo bởi những thứ thành tố không phải hoa. Đức Phật được thành tựu từ những thành tố không phải là Phật, gom những thành tố ấy lại gọi là Phật. Một cái hoa, ngọn núi được cấu tạo từ những thành tố không phải là núi. Ngọn núi được kết cấu bởi những thành tố không phải là núi, mình chia nhỏ ra: Đất, đá,hoa lá, chim muông, súc vật,...mình để mỗi thứ một nhúm, đâu có cái nào là núi, nhưng gom hết thành tố này lại ta bèn có cái gọi là núi. Như vậy: Núi được tạo bởi những thành tố không phải núi.
Đức Phật được tạo bởi những thành tố phi Phật.
Ở đây, đức Phật xác nhận: Kẻ vô văn, phàm phu đắm chìm hiểu lầm, ngộ nhận trong vật chất gồm bốn đại. Xa hơn, Ngài làm một sự chẻ nhỏ triệt để cái gọi là ngộ nhận của phàm phu, những thành trì ngộ nhận được phá nát một cách triệt để. Kẻ phàm phu khi không học thì nhìn đất nước lửa gió, sắc thinh khí vị xúc, nhìn vào các cảnh giới tái sinh, nhìn vào các thành tựu tu chứng, hoàn toàn trên ý niệm Ngã, Ngã sở - Tôi & Của Tôi.
Kẻ vô văn phàm phu, khi nhìn chúng sanh, cái họ gọi là giống, khác, một, nhiều, đất, nước, lửa, gió, sắc, thinh, khí, vị, xúc, về những tầng thiền định, sở đắc, sở chứng bằng cái nhìn hiện tượng, trên cái vỏ bọc bên ngoài = Sañjanāti – tưởng tri, saññа – sự tưởng tri dựa trên ngộ nhận – maññanāti, maññanā – sự ngộ nhận. Họ bám chặt, ôm xiết, còn cái gọi là hiện tượng, vỏ bọc hiện tượng của vạn hữu.
Bài kinh này rất sâu, rộng nhưng mình có thể nói gọn như thế này: khi một người hiểu rõ và tin chắc điều mình hiểu, hiểu rõ điều mình tin vào nội dung bài kinh này thì kể từ hôm nay vị ấy thấy rằng toàn bộ cái gọi là tinh thần, vật chất có 2 góc nhìn:

- Góc nhìn bản thể: Mọi thứ được cấu tạo bởi vô số thành tố, do duyên mà có rồi cũng do duyên mà mất đi – cái này gọi là Thắng tri – abhijānati, cái nhìn của bậc thánh.
- Góc nhìn hiện tượng – cái nhìn của phàm phu mình là tưởng tri, ngộ tri, ngộ nhận – sañjānati, thố tri – nhìn mà hiểu lầm, "tôi cho rằng", "tôi nghĩ là" khác với "tôi biết". Một cái là biết, cái nghĩ rằng, cái cho là. Kẻ phàm phu vì thiếu kiến thức nền nên cái gọi là biết của họ là "nghĩ rằng", "cho là" thôi, trên nền tảng của 3 thứ phiền não: Ái, Mạn, Kiến, từ đó, cái họ thấy được chỉ là thế giới hiện tượng thôi, chỉ có: trăng, sao, hoa, lá, chim muông, súc vật, nam nữ, đực cái, trống mái, nhà cửa, đất đá, đại dương, sông hồ, ... toàn bộ trên khía cạnh góc nhìn hiện tượng. Từ góc nhìn hiện tượng này mới hình thành ngộ nhận khác:
    - Thích - ghét
    - Thắng- thua
    - Vinh – nhục
    - Có mặt mũi, sĩ diện thì vui, mất mặt mũi thì giận. Được thì vui, mất là buồn, đau, giận;
    - Hơn – thua

Từ đó mới nảy ra vô số khái niệm đối đãi khác: gần – xa, trên – dưới, trong-ngoài, dài-ngắn, trắng-đen, đẹp- xấu, siêu – đọa... toàn bộ cái này được gọi là sañjānati, maññati.
Tôi chốt lại bài kinh: Tất cả những cái chúng ta thấy trong vật chất (gồm đất, nước, lửa, gió), tất cả những thứ chúng ta bị kẹt trong thế giới này gồm có 6 trần, 6 trần trong bài kinh này đức Thế Tôn gọi bằng 4 thứ đặc biệt.
Ở bài kinh khác thì Ngài gọi là:

- Sắc (rūpa- hình dáng, màu sắc),
- Thinh (sadda – âm thanh, tiếng động),
- Khí (gandha – mùi dễ ngửi, khó ngửi) ,
- Vị (rasa- vị dễ nếm, hoặc khó nếm),
- Xúc (phoṭṭhabba – những gì xúc giác cảm nhận được, gồm có: nóng, lạnh, cứng, mềm, mịn, nhám, nặng, nhẹ) ,
- Pháp (những vấn đề trừu tượng chỉ có thể tư duy bằng ý thức)

Nhưng trong bài kinh này, 6 trần Ngài kể có 4 thôi:

- Những gì ta thấy được (diṭṭhaṁ)
- Những gì ta nghe được (suttaṁ)
- Những gì ta cảm nhận được, gồm có: Ngửi, nếm, đụng (muttaṁ)
- Những gì ta tư duy bằng ý thức vì nó là trừu tượng, phi vật chất (viññataṁ)

Trong bản tiếng Việt, dịch là : Sở kiến (cái ta thấy – diṭṭhaṁ), sở văn (cái ta nghe – sutaṁ), sở đối xúc (cái ta cảm nhận gồm khí, vị, xúc – muttaṁ), sở tri (cái ta tư duy bằng cái đầu– viññataṁ) là 4 sở. Nhìn bản tiếng Việt muốn khóc, bản Pali sáng trưng.
Tiếng Hán trong trường hợp mình mới dùng, đừng bị bệnh sính chữ.
Nội dung bài kinh này nói cái gì? 24 ngộ nhận của phàm phu, mà tại sao Ngài nói 24 nhiều quá? Vì não trạng, trình độ của các vị ngồi trước mặt phải chẻ ra cỡ đó mới tương xứng, tương ứng, mới khế cơ, khế lý, khế hợp. Với tình hình chúng ta hôm nay thì nói gọn thôi = trong cái gọi là đời sống vật chất, đời sống hưởng thụ, những thành tựu tâm linh, những cảnh giới gồm có:

- Chúng sanh
- Giống
- Khác
- Ít
- Nhiều
- Buồn, vui, sướng khổ
- Vật chất, tinh thần
- Thành tựu, sở đắc, sở chứng

Tất thảy đều phải nhận thức:

(1) Về mặt nguồn gốc - Mọi thứ là do các duyên,
(2) Về mặt cấu tạo là sự lắp ráp từ các thành tố,
(3) Về cách hoạt động – cái sau phủ nhận cái trước, cái trước phủ nhận cái sau, luôn luôn thừa tiếp nhau mà sinh diệt liên tục không ngừng.

Mọi thứ do các duyên mà có, có bằng cách kết nối, gán ghép, tựa vào nhau mà thành hình, cuối cùng trước sau gì cũng phải rã tan, do tác động của các duyên. Cái thấy như vậy là thấy vạn hữu trên bản chất của nó.
Đằng này, chúng ta không thấy như vậy, mà chúng ta nhìn vạn hữu trên khía cạnh hiện tượng. Trên hiện tượng nó nảy sinh vô số vấn đề.
Trên bản chất – cặp mắt đẹp và cặp mắt xấu giống nhau. Nói trên khía cạnh bản thể - tất cả do duyên mà có, để có mặt trong hình thức lắp ráp, khối tổng hợp này sớm muộn gì cũng mất. Nếu chẻ kiểu đó thì đẹp xấu giống nhau, nam nữ giống nhau, sướng khổ giống nhau. Vấn đề sẽ gọn đi. Còn trên khía cạnh hiện tượng thì sao? Mắt đẹp, mắt xấu, một mí, hai mí, mắt bồ câu, mắt chim én,... con cò, con én, màu cờ, sắc áo, nó tạo nên bao nhiêu dị biệt, bao nhiêu giới tuyến. Thay vì nhìn nhau vì nhau bằng sự cảm thông, bằng những chiếc cầu chia sẻ, thì chúng ta lại không ngừng dựng nên những bức tường. Thích làm tường hơn làm cầu. Từ cái nhìn hiện tượng chúng ta không ngừng dựng tượng để dựng lên những màu cờ sắc áo, ý thức hệ về chính trị, tôn giáo, văn hóa, ... chúng ta đẩy nhau ra xa. Từ đó mới có tương tranh, mâu thuẫn, xung đột không ngừng xảy ra trên hành tinh này, đời này kiếp khác, vô lượng kiếp về trước và vô lượng kiếp về sau. Hễ có chúng sanh là có mâu thuẫn, đấu tranh, xung đột, tương tàn. Hễ có tương tác là tương tàn, có tương tác là có tương tranh.
Bao nhiêu đức Phật ra đời để xác nhận rằng: Không cần thiết, chỉ cần các con hiểu bài kinh này thôi. Đất, nước, lửa, gió chỉ là những trạng thái, nó gặp gỡ nhau tạo nên cái gọi là Vật chất – vật chất nào cũng là khối tổng hợp của các thành tố : Có được sẽ mất đi. Chuyện con thấy con thích, con ghét là do tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống. Do 3 cái này mới có thích, ghét. Có cái mình thích mình gọi là hạnh phúc. Chịu đựng cái mình ghét mình gọi là đau khổ. Vì muốn trốn khổ tìm vui nên chuyện gì mình cũng làm. Có người làm ác để giải quyết chuyện thích ghét buồn vui sướng khổ. Chết bị đọa, làm người thì trời ơi đất hỡi. Còn có người trốn khổ, giải quyết bằng làm các công đức bố thí, trì giới, tu tập thiền định về cảnh này cảnh kia, sống hết tuổi thọ rớt xuống chỗ thấp nhất. Sanh về cõi cao như leo cây,

về cõi đọa như gốc cây. Leo hồi mỏi thì tuột xuống chứ có đứa nào sống đời trên cây đâu. Cuối cùng, luân hồi là sự quẩn quanh của những hiểu lầm.
Thay vì nhìn mọi thứ trên khía cạnh bản thể thì sớm muộn gì cũng buông tay thành thánh hết. Đằng này cứ loay hoay với hiện tượng nên mới có phân biệt, có chọn lựa; mới đi đến giải pháp. Giải pháp nào cũng từ 3 điên đảo mộng tưởng : Ái, Mạn, Kiến.
500 vị này tự cho mình là hay. Trong đây Ngài nói: Những gì các ngươi thấy hay đều là do duyên mà có, cũng do duyên mà mất đi.
Ngài giảng tới đó, Ngài nói thêm: Còn là phàm phu thì tất cả cái biết là tưởng tri, là ngộ nhận, là điên đảo mộng tưởng. Chỉ tầng thánh Hữu học trở lên mới không còn tưởng tri nữa mà là tuệ tri, thắng tri – thấy vấn đề như nó là, chứ không phải thấy như mình muốn.
Do trình độ mình thúc đẩy mà chia nhiều cách hiểu khác nhau. Thánh nhân chỉ có một cách nghĩ thôi: miễn Ba La Mật đầy đủ thì tất cả thấy giống nhau, kể cả đó là cái trước đây mình không thích, giờ mình phải thấy như vậy, đó là cái thấy của thánh. Còn phàm phu – không có, mình không thích nó như vậy mình chịu thấy như vậy.
Có 2 cách tìm đến chân lý:

- Nó ra sao thấy nó như vậy. Thánh nhân nhìn mọi thứ như nó là.
- Thấy nó như mình muốn. Tất cả phàm phu đều chọn cách 2.

24 ngộ nhận về: đất, nước, lửa, gió, về cái gọi là chúng sanh, nhiều, ít, giống, khác, ngộ nhận về các tầng Dục thiên, dẫn đầu là Ác ma Thiên chủ - Ma Vương, các cõi Phạm thiên, kẻ phàm phu dầu là con giun, con dế,.... thấp nhất, đến tầng Phạm thiên cao nhất, đều luôn nhìn mọi thứ bằng cái nhìn điên đảo mộng tưởng, có được cái gì thấy có cái Tôi gắn với cái đó. Thích cái gì cũng thấy có cái tôi gắn liền cái thích ấy. Ghét cái gì cũng gắn liền cái gọi là tôi. Cả hành trình làm người mấy chục năm và vô lượng kiếp trước và sau thảy đều như vậy hết. Thích, ghét cái gì đều từ góc độ Tôi và Của Tôi. Cũng con người đó nhưng khi nghĩ họ là của mình thì nghĩ khác, lúc họ với mình chia tay thì nghĩ khác. Khi mình còn thương người ta, tự thấy người ta là một phần đời của mình, là cọng xương sườn số 7 của mình, mình còn thấy có trách nhiệm với người ta mình nhìn người ta nó khác. Khi chia tay, thì trở mặt, nhìn nhau nó khác.
Bậy bạ nhất là cho là khó làm rồi không làm.
Chúng ta phải làm bằng được vì hai lý do. Nếu ngay đời này không buông được nội kết thì lúc trọng bệnh hấp hối khó lắm. Phải chuẩn bị cho một cái bệnh, cái chết; xa hơn là cho một ngày chứng đạo. Nếu hôm nay nói khó quá không làm thì :

- Trước thị phi bó tay,
- Trước giây phút nguy ngập bó tay,
- Cứu cánh giải thoát xa vời lắm

Cho nên dầu bây giờ mình tu hành ầu ơ ví dầu, ráng nhớ 3 cái đó. Mình phải tu thế nào mà trước thị phi mình tiếp tục ok, trước những giây phút đau đớn, nguy ngập vẫn ok. Và, tu thế nào để có hi vọng, gần thì gặp Phật Di Lặc, xa là các vị Phật khác, gặp là chỉ nghe một câu một đi thẳng luôn. Tôi ớn vụ gặp Phật mà mình tà kiến, chống đối Tam Bảo, mệt, mất thời gian lắm thì cuối cùng cũng chứng mà khổ mình, khổ người, làm phiền chư Phật không nên. Tôi sợ vụ mất thời gian. Không chống đối Tam Bảo thì xuất gia mấy chục năm, vô rừng sâu, đói lạnh,...tôi muốn vô gặp Phật 7 tuổi, chứng lục thông luôn.
Tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống mình không giống nhau, nên thích, ghét mình không giống nhau, khi mình ác, thiện mình không giống nhau, khi mình phát bồ đề tâm tu tập hạnh lành, để huân tập Ba La Mật cũng không giống nhau. Từ đó, dẫn đến khi đắc đạo mỗi người đắc một kiểu. Có người đang sung sướng bơ sữa, nhung lụa nghe cái đắc, Lục Thông, Tam Minh, Bốn trí vô ngại, không cần rừng sâu, ma thiêng nước độc, lam sơn chướng khí, đói không gì ăn, lạnh không gì đắp, bệnh không thuốc uống; còn có nhiều vị trước khi đắc A La Hán, trầm luân khổ hải, khổ biết bao nhiêu mà tưởng. Tu 60 năm muỗi nó cắn dày cui như da cá sấu, tới 89 tuổi, đau đớn nằm quằn quại trên phân với nước tiểu, rên xiết, giãy dụa, bèn đắc, đắc kiểu đó thấy oải quá. Mình khổ, người khổ.
Tu sao mai mốt đi cho ngọt. 7 tuổi đắc lục thông, đến tuổi nào đó thấy êm êm vô núi, kiếm hang nào được được thăng luôn. Mình nhìn kiểu người mình bây giờ, nhiều kiểu tu ác quá.
Có lòng hại người, mai mốt đủ duyên chứng đạo nó là thứ nợ xấu. Mình tu tập là đang để dành tiền, nhưng nhiều nợ xấu, nhiều ân oán giang hồ quá mai mốt đắc đạo kỳ lắm.

Khi mình tu hành, có lòng tin Phật, cầu giải thoát mà gian ác quá là đại họa cho mình và cho đời. Là sao? Đại họa cho mình -trước khi chứng đạo mình bầm dập dữ lắm; Khi chứng rồi, do quả xấu trổ, người ta gặp người ta muốn kiếm chuyện, mà khịa nhằm ông thánh có phải khổ người ta không? Cho nên, hôm nay mình thấy người tu Phật mà gian ác, tôi nhìn tôi sợ lắm.
Thời đức Phật có nữ dạ xoa, cách đây nhiều kiếp là một cô gái rất đẹp, giàu. Mấy cậu công tử, tết nhất lễ hội hùn lại thuê bả đi chơi chung, ăn uống. Cổ giàu lắm. Mấy thiếu gia ăn nhậu thấy cổ đồ quý nhiều quá tự nhiên nổi hứng bóp cổ cổ. Mấy ổng giàu chứ có nghèo đâu. Trước khi bả chết bả hận, trong bụng kết oán: nếu còn kiếp sau, từng đứa trong tụi bây, gặp đâu ta xử đó.
Trong kinh nói, 5 anh công tử với bà này dính nhau như sau.
Có 2 cách để dính nhau:

- Ghét nhau – cũng là cách dính nhau.
- Yêu nhau, thương nhau, quý nhau, mến nhau – cũng là duyên dính nhau.

Đương nhiên phải đủ tiền mới đu theo người ta được. Chứ người ta quá trời phước mà mình đu theo một là hơi khó, thứ hai đu theo trong vị thế hơi kém, thí dụ người ta làm người, mình làm rắn, cắn chơi vậy đó, làm chó táp chơi vậy đó. Nếu phước khá thì người ta làm người mình làm người để báo cho hết hận cũ. 5 vị công tử này toàn đại đệ tử đức Phật, tu hành dữ dằn lắm, mà kiếp đó trời ơi; sau nhiều kiếp báo thù rửa hận, kiếp cuối cùng, cô gái đó sanh làm nữ quỷ, tìm lại cừu nhân quá khứ, cổ xử từng người một. Mà những kẻ cô xử lúc này toàn Tam Quả, Tứ Quả không. Bả đâu biết đâu. Lúc bả gặp là toàn Tam, với Tứ Quả không. Bả lên là thăm thẳm.
Ngày xưa gian ác, giờ chứng thánh, mình trả nghiệp làm khổ người khác. Thôi, bớt bớt gian ác lại.
Đối với những đối tượng không có ác ý với mình, mình đụng tới họ tội nặng lắm. Đang đấu nhau mà ra tay là gieo ác nghiệp. Người ta tránh qua một bên mà mình không ngừng.
Hiện giờ Phật giáo Việt Nam có nhiều nhân vật rất đặc biệt, cứ chọt tên nào ngóc lên là chọt, cái đó không nên, phải nghĩ đến đại cuộc, nghĩ đến Phật pháp, nghĩ đến chúng sanh, nghĩ đến chuyện mai này mình còn có cơ hội quay lại gặp Phật pháp. Còn hôm nay ai làm được cho đạo là đập cho banh chành, ngóc đầu không lên, để Phật pháp suy tàn mà mình không biết.
Nó đang đứng chung thuyền với mình mà mình chọt, cuối cùng thuyền chìm không biết, cuối cùng chết chung. Đang ngồi chung máy bay mà móc súng bắn tùm lum, các vị có ngại không chứ tui ngại.
Tu gì tu phải nghĩ đến đại cuộc.
Tại sao đụng tới hiền thánh, cha mẹ mà tội nặng? Vì họ không có thù hằn, ác tâm gì với mình. Nhất là khi cái lòng người ta nghĩ tới đại cục. Mình tấn công họ lúc bấy giờ không phải tấn công cá nhân mà tấn công vào đại cục, tấn công vào chiếc thuyền mình đang có mặt.
Bài kinh này, đức Phật biết trước giảng bài kinh này mấy vị này chưa đắc nhưng làm bào mòn lòng kiêu mạn, làm mềm đi lòng tự tôn, tự đại mấy vị này. Mãi về sau, không lâu, trong cuộc gặp gỡ ở nơi khác, không phải trong khu rừng Subhaga này, khu rừng này đẹp lắm. Chú giải nói đức Phật Ngài biết bài kinh này chỉ giúp các vị mòn chút, để các vị chịu khó đi nghe pháp, đừng có nghĩ biết hết, không cần đi nghe nữa. Sau khi nghe bài kinh này, các vị bắt đầu chịu đi nghe, nghe Phật, nghe các vị đại đệ tử, biết lắng nghe. Nó dẫn đến chuyện một ngày kia, đức Phật đi về nơi khác, là thành Vesāli, ở đó có ngôi đền Gotamaka, ngay tại ngôi đền đó, đức Phật gặp lại 500 vị tỳ-kheo này, 500 vị tỳ-kheo kiêu mạn, Ngài chỉ nói mấy câu thôi:
"*Đức Như Lai thuyết pháp từ sự chứng ngộ, thể nghiệm, thực chứng của Ngài, Ngài thuyết pháp không bằng sự tưởng tượng. Đức Như Lai tùy duyên sự mà thuyết pháp không phải bằng sự tùy hứng mà thuyết pháp. Đức Như Lai thuyết pháp bằng sự chứng ngộ không phải bằng sự tưởng tượng như phàm phu*".
Khi Ngài xác định như vậy, thì trong kinh nói 1000 vũ trụ rung lắc vì Ngài đang chạm đến một sự thật của chư Phật, đó là: Những gì chư Phật nói ra đều bằng kinh nghiệm thực chứng, bằng thân chứng thể nghiệm, bằng sự chứng ngộ như chân, như thật chứ không phải bằng sự liên tưởng, tưởng tri, bằng sự ngộ nhận của phàm phu. 500 vị này sau khi nghe như vậy, cộng với kiến thức giáo lý trước đây lập tức chứng La Hán Lục Thông, Bốn trí vô ngại.
Câu chuyện này về sau khi chư tăng tỳ-kheo bàn lại thì đặc biệt quá vì: 500 con người đó nhiều cái lạ quá:

- Có bao nhiêu mà kiêu ngạo trước đức Chánh Đẳng Giác
- Đức Thế Tôn chỉ bằng một ít lời mà có thể giúp cho họ chứng thánh.

Đức Thế Tôn dạy không phải nay ta mới giúp họ mà kiếp xưa ta đã giúp họ rồi, Ngài mới kể chuyện xưa là trong quá khứ Ngài từng là ông thầy, từng có 100 ông đệ tử kiêu ngạo và Ngài cũng đã giúp cho họ tháo gỡ lòng kiêu ngạo đó bằng bài học khó. Vì họ nghĩ cái gì họ cũng biết, nhưng khi Ngài nói cho họ chuyện họ chưa từng biết, hoặc chưa từng nghĩ tới họ mới thấy họ chưa tới đâu hết.
Mấy vị phạm cái lỗi vô cùng trẻ con, người ta là Chánh Đẳng Giác, là Pháp vương, những gì mình nghe là mảnh vụn khu rừng, mà nghĩ đức Phật hết nghề rồi, có nhiêu đó. Đức Phật xác nhận là: Những gì các ngươi thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng và tư duy, toàn bộ vũ trụ này, cái biết các ngươi chỉ là tưởng tri, ngộ nhận thôi. Mình ngộ nhận về giới luật, về thiền định, về trí tuệ, về kiến thức, về thành tựu, về sở chứng, về sở đắc của mình là trẻ con vì người chứng đắc tới nơi tới chốn họ thấy, cái họ có chỉ là mù sương. Khi nào anh thấy cái anh có là ghê gớm thì anh chưa là gì ghê gớm.
Trên đời này chỉ có một hạng người duy nhất đáng tự hào, tự đắc, tự tôn, tự mãn, tự kiêu, tự đại là người không có mấy cái tự này. Khi họ không có mấy cái tự này họ mới xứng đáng thấy mình hay. Khổ là khi họ đạt đến độ không thấy mình hay thì còn gì kiêu ngạo? Mình cũng vậy. Khi nào mình thấy mình là cái gì đó thì mình chưa là cái gì. Trong quyển sách chúng tôi sắp in thì gồm mấy câu giống giống vậy, gần 400 câu. Đây là quyển sách đầu tiên tôi in, là quyển kinh đầu tiên tôi thấy kinh in bằng tranh thủy mặc, khổ lớn, in màu. Quyển này mắc, chúng tôi bán giá gốc, không có lời.
Chúc quý vị ngày vui. Hẹn nhau tuần sau./.